

CHANGE OF LIVELIHOOD CULTURE IN TOURISM DEVELOPMENT IN VIETNAM TODAY

Trinh Thi Hanh

Hanoi University of Industry

Email: hanhtt_ml@hau.edu.vn

Received: 03/5/2024; Reviewed: 14/5/2024; Revised: 18/5/2024; Accepted: 28/5/2024; Released: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/299>

The change of livelihood culture plays an important role for the community in the process of tourism development in Vietnam. On the basis of approaching the elements of livelihood culture and livelihood culture change, the article points out the essence of the process of livelihood culture change in tourism development. Research, evaluate and determine the impacts of cultural livelihood changes in tourism development, thereby offering some solutions to promote the value of livelihood culture in tourism development in Vietnam today.

Keywords: Livelihood culture; Livelihood culture change; Tourism development; Vietnam

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, sự biến đổi của văn hóa sinh kế (VHSK) của người dân Việt Nam luôn chịu sự tác động mạnh mẽ của các nhân tố chính trị, kinh tế - xã hội (KT-XH) và hoàn cảnh địa lý. Trong đó, du lịch có những tác động đến sinh kế, văn hoá truyền thống, văn hoá sinh kế của người dân. Sự phát triển du lịch (PTDL) đã mang lại nhiều nguồn thu, cũng như đảm bảo sinh kế và làm phong phú thêm VHSK của người dân. Trong những năm qua, công tác PTDL đi đôi với bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, chú trọng, qua đó đã tạo nên thế mạnh, nâng cao uy tín, thương hiệu du lịch của các địa phương, góp phần củng cố, đảm bảo và nâng tầm hình ảnh du lịch Việt Nam đối với du khách quốc tế. Tuy nhiên, PTDL thiếu tính đồng bộ, hiệu quả đặt ra bài toán đòi hỏi cơ chế, chính sách phù hợp nâng cao khả năng thích ứng sinh kế của người dân địa phương, đảm bảo sự hài hòa, cân đối với môi trường sinh thái, giữ vững, bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương.

Nghiên cứu về biến đổi VHSK trong PTDL là hướng đi quan trọng để góp phần tạo sinh kế bền vững cho người dân, xây dựng nông thôn mới bền vững, đồng thời bảo tồn và phát huy những nét văn hóa độc đáo của địa phương, phát triển kinh tế địa phương. Do đó, chính quyền các địa phương đưa ra những giải pháp, chiến lược phù hợp nhằm mục tiêu vừa bảo đảm sinh kế, vừa PTDL một cách bền vững ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

Theo Giáo sư Trần Quốc Vượng: văn hóa là thể ứng xử năng động của một cộng đồng hay một cá nhân đứng trước thiên nhiên, xã hội và chính mình. Có thể hiểu, văn hóa là một sự trả lời, một sự ứng phó của một cộng đồng cư dân trước những thách thức của điều kiện địa lý, khí hậu, điều kiện xã hội lịch sử.

Bàn về VHSK, có nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Xét theo đặc điểm và tính chất, VHSK là phương thức hoạt động kinh tế của con người trong xã hội. Còn ở góc độ rộng hơn, VHSK hay văn hóa mưu sinh gồm nhiều thành tố như: ăn, mặc, ở, kiếm sống, tri thức, đời sống tín ngưỡng phục vụ cho việc đảm bảo cuộc sống của con người, trong đó hoạt động mưu sinh, kiếm sống là thành tố quan trọng nhất. Theo Bùi Văn Mạnh, VHSK là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần mang tính định hướng, chuẩn mực cho các hành vi, phương thức ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội nhằm đảm bảo và phát triển cuộc sống của cộng đồng, cư dân địa phương. VHSK gồm ba thành tố cơ bản là hệ giá trị định hướng sinh kế, chuẩn mực sinh kế và hành vi sinh kế (Mạnh, 2004).

Nghiên cứu biến đổi văn hóa nhận được nhiều sự quan tâm về học thuật của các nhà nghiên cứu Việt Nam. Các nghiên cứu này chủ yếu được triển khai trên cách tiếp cận văn hóa học, xã hội học hay nhân học xã hội. Nhìn chung, biến đổi văn hóa được hiểu là quá trình vận động của xã hội, bao hàm sự biến đổi tương đối lâu dài của những mô hình ứng xử và niềm tin văn hóa. Trong đó, sự biến đổi của

VHSK biểu hiện ở văn hóa ứng xử với các nguồn lực mưu sinh (bao gồm các nguồn lực tự nhiên, vật chất, xã hội, con người, tài chính). Biến đổi VHSK thể hiện trong các hoạt động mưu sinh như nghề nghiệp, công cụ, trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm mưu sinh. Trong công trình nghiên cứu về VHSK mưu sinh của cư dân xã Hương Sơn trong bối cảnh PTDL, tác giả Đỗ Hải Yến cho rằng: “Biến đổi văn hóa mưu sinh là những biến đổi hữu cơ trên phương diện vật chất và tinh thần trong cách ứng xử với các nguồn lực mưu sinh; những biến đổi ứng xử trong quá trình mưu sinh, những biến đổi trong các nghi lễ gắn với mưu sinh của chủ thể nhằm bảo đảm sự sinh tồn, xóa đói, giảm nghèo, phát triển cuộc sống... dưới tác động của sự PTDL” (Yến, 2018).

Như vậy, VHSK hay văn hóa mưu sinh rất gần gũi và phổ biến trong đời sống xã hội. Nghiên cứu về VHSK, biến đổi văn hóa sinh kế có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần phát triển KT-XH, PTDL của quốc gia.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành văn hoá học, phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu thứ cấp về VHSK và biến đổi VHSK trong PTDL. Kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được, bài viết tập trung làm rõ quan niệm về VHSK và biến đổi VHSK trong PTDL, xác định những tác động của biến đổi VHSK trong PTDL ở Việt Nam; đưa ra các giải pháp phát huy giá trị VHSK trong PTDL ở Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Quan niệm về văn hóa sinh kế và biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch

4.1.1. Văn hoá sinh kế

Thuật ngữ “sinh kế” (livelihood) được R. Chambers đề cập từ những năm 1980. Trong đó, sinh kế được hiểu theo nghĩa đơn giản nhất đó là cách thức để kiếm sống (DFID, 2001). Theo Từ điển tiếng Việt, sinh kế được hiểu “là việc làm để kiếm ăn, để mưu sống” (Viện Ngôn ngữ học, 2003), hay cách kiếm tiền để sống, phương thức kiếm sống. Nói cách khác, đó là hoạt động kinh tế để bảo đảm cuộc sống hay hoạt động mưu sinh của một cá nhân hay cộng đồng, nhằm đáp ứng các nhu cầu về vật chất, tinh thần để duy trì sự phát triển của cá nhân hay cộng đồng đó. Sinh kế là một vấn đề không chỉ liên quan đến mức thu nhập, mức sống, mà liên quan nhiều đến văn hóa bản địa, phong tục, tập quán, thói quen, tính cộng đồng, việc lựa chọn nghề, cách thực hành nghề,...

Theo Từ điển tiếng Việt, văn hoá là “tổng thể

nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử” (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Văn hóa là tất cả những gì do con người sáng tạo ra, bao gồm cả giá trị vật chất và tinh thần, nên nó bao gồm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của con người. Theo đó, có thể hiểu VHSK là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần mang tính định hướng, chuẩn mực, hành vi, phương thức kiếm sống được hình thành, kế thừa và phát triển trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội nhằm nâng cao đời sống của cộng đồng và cư dân địa phương.

VHSK có những đặc điểm như sau:

VHSK mang tính hệ thống: Biểu hiện những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng sáng tạo, tiếp biến và thay đổi trong khoảng không gian sinh tồn của cộng đồng. Về bản chất sự biến đổi sinh kế sẽ bắt đầu từ các hộ gia đình cá thể đến cộng đồng. Các giá trị VHSK của cộng đồng dân cư được hình thành, tích lũy và lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. VHSK là bộ phận của văn hóa truyền thống được chia sẻ rộng rãi trong cộng đồng, có thể coi như tài sản chung của cộng đồng thậm chí của cả dân tộc.

VHSK mang tính giá trị: Đây là đặc trưng quan trọng của văn hóa nói chung, VHSK nói riêng. Đó chính là những điều tốt đẹp được tích lũy qua nhiều thế hệ, định hướng hoạt động thực tiễn của con người. VHSK thực hiện chức năng điều chỉnh, không ngừng hoàn thiện và thích nghi với những biến đổi của xã hội, định hướng các chuẩn mực và là động lực của phát triển sản xuất. Các giá trị văn hóa được hình thành thông qua quá trình tương tác, ứng xử của con người với thiên nhiên, con người với con người và với cộng đồng.

Văn hóa đó biểu hiện trong các phương thức sinh kế được lưu giữ, bồi đắp qua nhiều thế hệ. Các hoạt động sinh kế truyền thống được hình thành và phát triển cùng với cộng đồng dân cư, cùng với đó các giá trị của VHSK cũng được hình thành trong một thời gian nhất định, trải qua quá trình lao động, mưu sinh, gồm: các giá trị định hướng, chuẩn mực, hành vi, nghi lễ, phong tục làm nghề,... được tích lũy, lưu truyền, bồi đắp và trở thành tài sản chung của cộng đồng. Quá trình này luôn vận động, có tiếp thu, cải biến cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội và văn hóa ở từng thời kỳ nhất định.

Văn hoá mang tính bản địa: Vì nó thường gắn với môi trường tự nhiên và xã hội trong một khu vực nhất định. Thông qua những phong tục, tập quán, kiến thức về sản xuất và quá trình lao động sản xuất, ứng xử với môi trường tự nhiên, các mối quan hệ gia đình, làng xóm, ăn ở, sinh hoạt,... của

người dân địa phương đã tích lũy, lưu truyền qua nhiều thế hệ. Quá trình đó thường có bắt nguồn trên một địa bàn nhất định gắn liền với cuộc sống của người dân địa phương.

Về mặt cấu trúc, VHKS bao gồm các thành tố cơ bản là hệ thống giá trị định hướng sinh kế, các chuẩn mực sinh kế, các phương thức, hành vi sinh kế. Trước hết, hệ thống giá trị định hướng sinh kế là các giá trị VHKS giúp cho việc thiết lập mục tiêu sinh kế của người dân, tác động trực tiếp tới việc lựa chọn phương thức kiếm sống nhằm duy trì và đảm bảo cuộc sống cho một cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mỗi cá nhân. Hay nói cách khác, hệ thống giá trị này chính là mục tiêu, cái đích hướng tới của các hoạt động sinh kế. Hệ thống giá trị của VHKS vừa là nền tảng, vừa là mục đích hướng tới của cộng đồng dân cư trong những thời kỳ nhất định.

Về chuẩn mực sinh kế, văn hóa có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các ứng xử của con người trong các hoạt động sinh kế. Các quy tắc văn hóa ứng xử mang tính tiêu chuẩn, định hướng hoạt động mưu sinh đối với các nguồn lực tự nhiên, vật chất, xã hội, con người và tài chính.

VHKS thường được biểu hiện trong các hoạt động sinh kế như: nghề nghiệp, việc làm, phương thức sinh kế; công cụ, trình độ; phong tục, tập quán, thói quen, kinh nghiệm kiếm sống của một cộng đồng dân cư. Khi môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội thay đổi, cách ứng xử, lối sống của cộng đồng cũng sẽ thay đổi. Và khi các nguồn lực sinh kế thay đổi cũng sẽ tác động làm cộng đồng dân cư phải thay đổi phương thức sử dụng các nguồn lực.

Các thành tố nói trên có quan hệ mật thiết với nhau, khi một yếu tố thay đổi, thì các yếu tố khác cũng bị tác động và biến đổi theo. Trong đó, hệ thống giá trị định hướng có vai trò quan trọng nhất, định hướng cho hoạt động sinh kế, cho việc lựa chọn các phương thức, hành vi sinh kế phù hợp; các chuẩn mực sinh kế có vai trò điều chỉnh các hành vi, ứng xử sinh kế của cộng đồng và hộ gia đình trong quá trình tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội để đạt được mục tiêu đảm bảo sinh kế bền vững.

4.1.2. *Biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch*

Biến đổi văn hóa - biểu hiện đặc thù của biến đổi xã hội là một quá trình thay đổi các dạng thức và các thành tố văn hóa tạo nên diện mạo mới của một tổng thể văn hóa. Ở khía cạnh này, xã hội nào cũng bộc lộ những biến đổi, cũng thể hiện những sự tiếp nối và biến đổi văn hóa. Trong quá trình đó không chỉ bao hàm sự biến đổi tương đối lâu dài của những mô hình ứng xử và niềm tin văn hóa, mà còn có sự tác động ở các mức độ khác nhau của kinh tế, chính

trị, xã hội, đặc biệt là quá trình hội nhập quốc tế.

Biến đổi VHKS là những thay đổi toàn diện trên các mặt vật chất và tinh thần “trong cách ứng xử với các nguồn lực mưu sinh; những biến đổi ứng xử trong quá trình mưu sinh, những biến đổi trong các nghi lễ gắn với mưu sinh của chủ thể nhằm bảo đảm sự sinh tồn, xóa đói, giảm nghèo, phát triển cuộc sống...” (Yên, 2018). Nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến đổi VHKS chính là sự vận động và phát triển của đời sống KT-XH, cho nên cần đặt sự biến đổi văn hóa trong khung biến đổi xã hội. VHKS chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, gồm cả các yếu tố bên ngoài và bên trong, trực tiếp và gián tiếp. Các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế thị trường, khoa học công nghệ, sự giao lưu hợp tác quốc tế; các yếu tố bên trong như cơ chế chính sách, việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển.

Khái niệm *phát triển du lịch* được tiếp cận nghiên cứu với nhiều góc độ như: PTDL là phát triển về lượng và chất tổng hoà các mối quan hệ KT-XH phát sinh từ hoạt động di chuyển (Đính & Hoà, 2004). Một số quan điểm cho rằng du lịch là một hiện tượng xã hội, số khác lại cho rằng đây phải là một hoạt động kinh tế (Phuong, 2010). PTDL là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm làm cho kinh tế địa phương phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tăng lên, xây dựng và bảo đảm môi trường sống ổn định, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng. Quá trình PTDL tác động to lớn đời sống KT-XH ở nhiều địa phương, đặc biệt là thay đổi các nguồn lực, phương thức sinh kế truyền thống, từ đó ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống gắn với hoạt động sinh kế của người dân.

Biến đổi VHKS và PTDL có mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời, đồng thời luôn có ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, VHKS là nền tảng, nguồn lực quan trọng cho du lịch phát triển, nhưng ngược lại du lịch cũng tạo ra những nguồn lực vật chất và động lực góp phần bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị VHKS. PTDL chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó song hành với việc bảo đảm sinh kế của người dân địa phương hướng tới thực hiện các mục tiêu: nâng cao thu nhập cho người dân địa phương; nâng cao trình độ dân trí và nâng cao ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa.

PTDL là tiền đề để tạo ra sự vận động, biến đổi trong xã hội và trong các phương thức, hành vi, ứng xử,... sinh kế của người dân. Xu hướng PTDL mang đến nhiều triển vọng tạo ra sinh kế, cũng như thay đổi tư duy làm kinh tế của người dân, đồng thời thông qua con đường du lịch, văn hóa bản địa nói

chung, VHSK nói riêng được phát huy. PTDL gắn liền với sự biến đổi VHSK sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần, vật chất, yếu tố văn hóa còn tạo ra sức hút mạnh hơn cả các yếu tố về vật chất cho du khách. Các hình thức du lịch văn hóa được đưa đến với du khách qua những cách thức khác nhau như: tham quan, khám phá, nghỉ ngơi, thưởng thức các loại hình nghệ thuật, giao lưu văn hóa,... từ đó tăng cường sự đa dạng và hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia, vùng miền. Nếu PTDL không gắn liền với công tác bảo tồn văn hóa một cách hiệu quả sẽ dẫn tới sự hư hại tài nguyên du lịch và các thành tố văn hóa truyền thống của dân tộc nói chung, VHSK của người dân địa phương nói riêng.

Bên cạnh đó, những giá trị, chuẩn mực, quy tắc ứng xử và tập quán lao động, sản xuất, phương thức sinh kế của cộng đồng địa phương sẽ tạo nên bộ mặt văn hóa bản địa, tính độc đáo, đặc sắc, hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, tô đẹp thêm hình ảnh đất nước, địa phương đến với thế giới bên ngoài một cách nhanh chóng, trực tiếp và sinh động. Nói cách khác, VHSK là nền tảng cho việc PTDL bền vững, bởi vì nó tạo sức cuốn hút đối với du khách, đồng thời, bảo tồn bản sắc văn hóa, tạo nên tính nhân văn cộng đồng. Biến đổi VHSK tạo ra những lợi thế, tài nguyên góp phần hình thành các loại hình du lịch phát triển như: du lịch nông nghiệp, du lịch làng nghề, du lịch ẩm thực,...

Từ các vấn đề trên, có thể khẳng định, *biến đổi VHSK trong PTDL là sự thay đổi các định hướng, chuẩn mực, các hành vi, phương thức mưu sinh được đặt trong sự vận động, phát triển của du lịch nhằm PTDL theo hướng bền vững và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của địa phương*. Quá trình đó diễn ra liên tục, tiếp nối, luôn có sự đan xen giữa cái cũ và cái mới, giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời được đặt trong mối liên hệ với tiến trình thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu nghề nghiệp, biến đổi xã hội và thay đổi VHSK của người dân.

4.2. Những tác động của biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch ở Việt Nam

Thứ nhất, biến đổi VHSK trong PTDL tác động tích cực, góp phần tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế địa phương, thay đổi tư duy, lối sống người dân.

Thực tiễn cho thấy, các chương trình PTDL của Nhà nước và địa phương có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của cư dân địa phương. Những biến đổi VHSK trong PTDL đem lại những thuận lợi trong đời sống văn hóa của người dân. Người nông dân chuyển từ phương thức kiếm sống dựa vào nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sang kết hợp nhiều hoạt động mưu sinh khác, có sự liên kết với nhau theo hoạt động du

lịch để tạo sản phẩm du lịch mang giá trị cao hơn, có tính bền vững hơn trong phát triển sản xuất. Đặc biệt, các hoạt động ứng dụng công nghệ chuyên đổi số qua Internet để giao lưu, tiếp biến, giúp “ngành công nghiệp không khói” có nhiều chuyên biến tích cực về chất lượng. Sự phát triển của du lịch dịch vụ, nhất là du lịch cộng đồng đã góp phần tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy biến đổi VHSK ở địa phương.

Biến đổi VHSK trong PTDL cũng góp phần thay đổi tư duy, lối sống người dân. Khi tham gia vào hoạt động du lịch hướng tới PTDL bền vững của địa phương, VHSK của người dân có những thay đổi tích cực, tạo điều kiện nâng cao đời sống văn hóa tinh thần. Người dân ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đầu tư nâng cấp các thiết chế văn hóa cơ sở, có sự thích ứng nhanh và linh hoạt với bối cảnh PTDL địa phương.

Thứ hai, biến đổi VHSK trong PTDL còn đan xen các tác động tiêu cực.

Ở nhiều địa phương, sự chuyển đổi phương thức sinh kế truyền thống từ nông nghiệp sang du lịch, dịch vụ, làm gia tăng tình trạng phân hóa giàu, nghèo, phân tầng xã hội của cộng đồng trong khu vực. Từ đó, ảnh hưởng không nhỏ đến các thành tố của VHSK, những tác động của quá trình PTDL làm phai nhạt dần những giá trị VHSK cốt lõi của địa phương đã được tích lũy và lưu truyền qua các thế hệ trước. Hơn nữa, hoạt động du lịch mang tính thời vụ tác động rõ rệt đến văn hóa, đời sống, phương thức sinh kế truyền thống của người dân. Vấn đề bảo tồn và phát triển các di sản VHSK truyền thống, gìn giữ và khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, các giá trị nhân văn và tài nguyên con người, các giá trị truyền thống lịch sử,... chưa được thực hiện tốt trong PTDL. Cũng như các tiêu chí PTDL, nhất là tiêu chí về văn hóa, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân chưa được coi trọng, dẫn đến bệnh chung chung, hình thức, thiếu phù hợp tạo thành trở lực, thách thức cho sự phát triển của địa phương. Từ đó, có những tác động tiêu cực trở lại đến văn hoá, đe dọa sự phát triển kinh tế, tiềm ẩn rủi ro, không bền vững trong đời sống VHSK của người dân. Ngoài ra, sự giao lưu và tương tác giữa các vùng miền khác nhau trong bối cảnh PTDL thông qua các nguồn lực VHSK, trong ứng xử, hành vi sinh kế đã dẫn tới hệ quả tất yếu là sự tiếp biến VHSK truyền thống của người dân địa phương.

Bên cạnh đó, các loại hình du lịch cộng đồng thiếu tính đồng bộ, chặt chẽ, quản lý lỏng lẻo đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác bảo vệ môi trường,

dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường và suy thoái nguồn lực tự nhiên. Đồng thời, một bộ phận cư dân thiếu việc làm, thất nghiệp, VHSK không được định hướng có thể bị lôi kéo, dẫn đến những thói hư tật xấu, làm xuất hiện các tệ nạn xã hội phức tạp, khó kiểm soát, như: lô đề, cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm, bạo lực xã hội,... gây mất an ninh trật tự địa phương, làm phương hại đến bản sắc văn hóa vùng du lịch. Những tác động tiêu cực đó có thể dẫn tới nguy cơ suy giảm sinh kế bền vững, xói mòn VHSK của người dân trong tương lai.

5. Thảo luận

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, để phát huy văn hóa giá trị sinh kế trong PTDL ở Việt Nam, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng các chủ trương, chính sách quan tâm đến biến đổi VHSK, tạo điều kiện để cư dân có nghề nghiệp, thu nhập ổn định hướng tới PTDL bền vững.

Đây là một giải pháp quan trọng để nâng cao đời sống của người dân, tạo cơ sở sinh kế bền vững góp phần PTDL ở Việt Nam. Việc nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò và giá trị của VHSK, từ đó đưa ra những chủ trương, chính sách phù hợp giúp bảo đảm sinh kế bền vững của người dân vùng du lịch, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển ổn định KT-XH của địa phương.

Sự phát triển kinh tế du lịch đã tạo ra cơ hội mở rộng thu nhập của người dân so với bối cảnh xã hội trước đây, do vậy, chính quyền các địa phương cần nâng cao nhận thức của người dân về việc phát huy giá trị VHSK và biến đổi VHSK cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn mới. Cư dân cần sớm có những nhận thức đúng đắn hơn trong việc lựa chọn phương thức mưu sinh, biết nhận dạng và có cách ứng xử phù hợp với các nguồn lực mưu sinh, với các phong tục tập quán, các lễ hội văn hóa, nghi lễ truyền thống mới có thể đảm bảo sự bền vững của bối cảnh PTDL. Bởi vì nhiều giá trị văn hóa của sinh kế truyền thống dần bị mai một, không được các thế hệ sau tiếp thu và phát huy một cách đúng mức sẽ dẫn đến mất bản sắc nghề. Thậm chí, có xu hướng thương mại hóa nếu chỉ tập trung vào lợi nhuận, làm suy giảm giá trị VHSK truyền thống. Do đó, các địa phương trong vùng du lịch cần nắm bắt được những đặc thù của làng nghề truyền thống, nghiên cứu ban hành chính sách quy hoạch, đầu tư cho các hoạt động bảo tồn, phục hồi và phát triển các giá trị VHSK truyền thống, nghề truyền thống. Phát triển các nghề thủ công truyền thống sẽ đem lại hiệu quả về mặt kinh tế cũng như giá trị văn hóa.

Qua đó, cung cấp những sản phẩm du lịch độc đáo và ý nghĩa cho du khách.

Các địa phương cần kết hợp phát triển làng nghề truyền thống với du lịch, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ tay nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn và đầu tư xử lý môi trường làng nghề để đảm bảo phát triển bền vững,... Các giá trị VHSK luôn có sự gắn bó mật thiết với các làng nghề truyền thống của cộng đồng cư dân địa phương du lịch. Vì vậy, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị VHSK và nghề truyền thống chỉ phát huy hiệu quả thực sự khi giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Các địa phương cần hướng tới việc bảo tồn di sản văn hóa đặc sắc vùng, vừa quảng bá, phát huy giá trị di sản trong phát triển bền vững vùng gắn kết với du lịch địa phương. Nói cách khác, các sản phẩm làm ra vừa phải chứa đựng những yếu tố văn hóa truyền thống, vừa phải đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội hiện đại và hoạt động PTDL.

Hai là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, lao động du lịch, hình thành hệ thống giá trị định hướng, chuẩn mực, hành vi sinh kế phù hợp với yêu cầu PTDL bền vững.

Giải pháp này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp tới nguồn nhân lực của tương lai đáp ứng yêu cầu PTDL ở nước ta. Do đó, các địa phương cần quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý văn hóa, du lịch được học tập, nâng cao trình độ hiểu biết, kinh nghiệm quản lý và khai thác tài nguyên, PTDL. Thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa cho cán bộ, nhân viên các cơ sở du lịch; các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về du lịch có trách nhiệm cho người lao động tham gia các hoạt động du lịch. Đồng thời, nâng cao nhận thức, thái độ ứng xử văn hóa, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, tay nghề du lịch và ý thức giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa cho cộng đồng địa phương cho cộng đồng dân cư.

Việc chuyển đổi từ hoạt động sinh kế truyền thống của cư dân sang ngành nghề mới, làm dịch vụ du lịch đặt ra đòi hỏi mới về quy chuẩn, VHSK. Do đó, mỗi cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mỗi cá nhân vùng du lịch phải có kiến thức về văn minh du lịch, giao tiếp, ngoại ngữ, kỹ cương, sạch sẽ hướng tới bảo đảm sự hài lòng của du khách,... Mỗi cư dân địa phương phải có ý thức và niềm tự hào về giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của địa phương mình để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần chủ

động xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực dài hạn, nhằm xác định rõ ràng mục tiêu chiến lược, kế hoạch thực hiện, các bước đi cụ thể cho việc phát triển, xây dựng hệ giá trị văn hóa định hướng, chuẩn mực và hành vi sinh kế. Điều đó phải được xác định rõ trong chiến lược tổng thể phát triển KT-XH của các địa phương, trong đó có tính đến những đặc điểm và truyền thống văn hóa địa phương và của vùng.

Ba là, đa dạng hóa các loại hình du lịch, chú trọng đến du lịch cộng đồng, khai thác các giá trị VHSK nhằm PTDL bền vững ở địa phương.

Việc đa dạng hóa các loại hình du lịch, trong đó du lịch cộng đồng là một mô hình đặc sắc, không chỉ góp phần phát triển du lịch trong cả nước, đem lại hiệu quả KT-XH cho nhiều địa phương, nhiều doanh nghiệp, mà còn góp phần tạo sinh kế, cải thiện đời sống, phát huy các giá trị VHSK cho người dân. Mô hình du lịch sinh thái cộng đồng sẽ góp phần khai thác giữ gìn bản sắc và các giá trị văn hóa, kết hợp với PTDL sinh thái,... mang lại những nguồn lợi từ du lịch và gắn kết cộng đồng với nhau. Vì vậy, các địa phương cần PTDL cộng đồng từ việc khai thác các giá trị văn hóa địa phương, cũng như tập trung vào các giá trị VHSK góp phần bảo vệ, phát huy di sản văn hóa dân tộc, tạo nguồn lực phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Trước hết, mỗi địa phương phải có định hướng rõ ràng, nghiên cứu, phân tích, lựa chọn những giá trị văn hóa đặc trưng của từng dân tộc gắn với phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo. Bên cạnh đó, cần có lộ trình thực hiện cụ thể, sử dụng đội ngũ các chuyên gia về du lịch cộng đồng để tư vấn, đào tạo nhân lực, xây dựng cảnh quan và các sản phẩm du lịch địa phương đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước. Lựa chọn hình thức du lịch cộng đồng phù hợp với đặc thù và nguồn lực của địa phương, bảo đảm giữ gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa, từ đó mới tạo sinh kế bền vững cho người dân.

Để làm được điều đó, mỗi địa phương phải nghiên cứu cụ thể, kỹ lưỡng ở nhiều lĩnh vực như sinh kế cư dân địa phương, văn hóa, ẩm thực đặc trưng, phong tục, tập quán sinh hoạt,... nhằm định hướng các giá trị văn hóa cốt lõi của cộng đồng, giữ gìn và phát triển không gian văn hóa để nuôi dưỡng, bảo tồn và phát huy những giá trị ấy. Đầu tư phát triển mô hình du lịch cộng đồng phải chú ý bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử, tránh sự lai căng, làm mất đi không gian văn hóa của cộng đồng dân cư, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã

hội, giữ gìn cảnh quan, môi trường, tránh tình trạng chộp giật, phá hủy nét văn hóa bản địa đặc sắc. Cư dân địa phương phải được hưởng lợi từ việc PTDL và mở rộng cơ hội tiếp cận với các nguồn lực sinh kế. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các địa phương cần làm tốt công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu rộng rãi loại hình du lịch cộng đồng đến du khách, đặc biệt là khách quốc tế.

Trong quá trình phát triển loại hình du lịch cộng đồng, cần căn cứ trên giá trị vốn có của cộng đồng từng địa phương để khai thác và dẫn dắt cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch, để khai thác và tạo sản phẩm du lịch hiệu quả. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các ngành, các cấp và các tổ chức liên quan, cộng đồng nông thôn, cá nhân để PTDL cộng đồng, nâng cao công tác quản lý hướng dẫn, tổ chức thực hiện nhằm khai thác du lịch, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, thu hút khách du lịch góp phần phát triển KT-XH ở địa phương. Có chính sách đầu tư hợp lý, tập trung đầu tư hạ tầng du lịch, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho người dân, nhưng phải đảm bảo giữ gìn cảnh quan môi trường, phong tục tập quán, truyền thống văn hoá. Có quy hoạch cụ thể và rõ ràng, tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng đất đai, xây dựng nhằm hạn chế tình trạng phát triển tự phát về du lịch cộng đồng, du lịch theo hình thức nghỉ tại nhà dân (homestay),...

Bốn là, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái của người dân vùng du lịch.

Việc xây dựng nguồn nhân lực cho cộng đồng có đủ điều kiện, khả năng thực hiện, cũng như đủ các yếu tố chuyên môn trong việc giám sát các vấn đề PTDL phù hợp với nhu cầu phát triển KT-XH và văn hoá, các địa phương còn phải quan tâm đến vấn đề môi trường sinh thái. Các chủ trương, chính sách PTDL bền vững cần phát huy vai trò của người dân trong việc nâng cao hiệu quả tác động của VHSK đối với bảo vệ môi trường, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu diễn ra tại các địa phương. Do đó, các địa phương cần nhấn mạnh đến thực tế hiện nay, việc tàn phá tự nhiên vô ý thức, khai thác quá mức nguồn tài nguyên,... đang là vấn đề cần quan tâm để nhanh chóng khắc phục tình trạng suy thoái, đồng thời bảo vệ, cải thiện và phục hồi, tái tạo tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống. Đồng thời, cần tiến hành các biện pháp mang đồng bộ, chặt chẽ, quản lý hoạt động du lịch của địa phương, nâng cao ý thức của người dân trong thực hiện PTDL gắn với công tác bảo vệ môi trường, hạn chế thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường và suy thoái nguồn lực tự nhiên của địa phương.

6. Kết luận

Sự biến đổi các giá trị VHSK diễn ra song song với quá trình PTDL ở các địa phương. Các giá trị định hướng, chuẩn mực, các hành vi, phương thức sinh kế được đặt trong sự vận động, phát triển của du lịch. Chiều hướng biến đổi VHSK trong PTDL có thể theo hướng tác động tích cực hoặc tiêu cực, cho nên các địa phương cần có sự nghiên cứu đầy đủ để phát huy các tác động tích cực, hạn chế các tác động

tiêu cực để góp phần tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế, PTDL bền vững và bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân. Do đó, vấn đề thực hiện một cách hệ thống và đồng bộ các giải pháp hướng tới phát huy giá trị VHSK trong PTDL ở Việt Nam hiện nay có vai trò rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng văn hóa, phát triển con người, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của người dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- DFID. (2001). *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*. DFID Report.
- Đính, N. V & Hoà, T. T. M. (2004). *Giáo trình Kinh tế du lịch*. Hà Nội: Nxb. Lao động - Xã hội.
- Dũng, N. D. (2021). Tác động của du lịch cộng đồng đến văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số khu vực Tây Nguyên. *Tạp chí Mặt trận*, số 209+210 (Tháng 1+2/2021).
- Dũng, N. D. (2013). Hỗ trợ phát triển kinh tế miền núi - Niềm hy vọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 3 - Tháng 9/2013.
- Manh, B. V. (2020). *Biến đổi văn hóa sinh kế của cư dân tại quần thể danh thắng Tràng An trước tác động của du lịch*. Luận án Tiến sỹ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Yến, Đ. H. (2018). *Biến đổi văn hóa mưu sinh của cư dân xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội trong bối cảnh phát triển du lịch*. Luận án Tiến sỹ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Viện Ngôn ngữ học. (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
- Mill R. C. & Morrison A. M. (1985). *The Tourism System: An Introductory Text*. Englewood Cliffs, N.J. Prentice-Hall International.
- Phuong, Đ. L. (2010). *Những nhân tố tác động đến biến đổi văn hóa Việt Nam thập niên đầu thế kỷ XXI (2001-2010)*. Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.
- Tuyền, N. T. (2014). Biến đổi văn hóa sinh kế ở vùng tái định cư thủy điện Sơn La. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 361/2014.

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA SINH KẾ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trịnh Thị Hạnh

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: hanhtt_ml@hau.edu.vn

Nhận bài: 03/5/2024; Phản biện: 14/5/2024; Tác giả sửa: 18/5/2024; Duyệt đăng: 28/5/2024; Phát hành: 21/6/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/299>

Biến đổi văn hóa sinh kế có vai trò quan trọng đối với cộng đồng dân cư trong quá trình phát triển du lịch ở Việt Nam. Trên cơ sở tiếp cận các thành tố của văn hóa sinh kế và biến đổi văn hóa sinh kế, bài viết chỉ rõ thực chất của quá trình biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch. Nghiên cứu đánh giá và xác định những tác động của biến đổi văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch, từ đó đưa ra một số giải pháp phát huy giá trị văn hóa sinh kế trong phát triển du lịch ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Văn hóa sinh kế; Biến đổi văn hóa sinh kế; Phát triển du lịch; Việt Nam.